

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2023/HC-PT

Ngày 23 - 3 - 2023

*V/v khởi kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Đình Khánh;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính Thụ lý số 545/2022/TLPT-HC ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc “*khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 52/2022/HC-ST ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1822/QĐPT-HC ngày 08/3/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà Hoàng Thị A, sinh năm 1976, có mặt;

Nơi ĐKKHKT: Tổ 11, khu 4, phường HT, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh;
địa chỉ tạm trú hiện nay: Tổ 8, khu 2, phường HT, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà Trần Thị A1 và ông Nguyễn Văn A2 đều là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh. Cùng địa chỉ: Công ty Luật BM, số 511 đường NVC, phường HH, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, đều có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi bài bào chữa.

*** Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) tỉnh Quảng Ninh.

Địa chỉ: 279 NVC, phường HH1, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Tường A3, chức vụ: Phó Chủ tịch

UBND tỉnh Quảng Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 1 năm 2021), có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Đỗ Tuấn A4 Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh.

Địa chỉ: Công ty Luật KB. Tổ 76, khu 9, phường CT, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

2. Chủ tịch UBND thành phố HL và UBND thành phố HL.

Địa chỉ: Số 3 BĐ, phường HG, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu A5, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố HL (theo văn bản ủy quyền ngày 30 tháng 12 năm 2020), có đơn xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Văn A6, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố HL, có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân phường HT, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Mạnh A7, vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ 11, khu 4, phường HT, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh.

3. Ông Nguyễn Mạnh A8, vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ 11, khu 4, phường HT, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh.

** Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị A, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/6/2013, Ủy ban nhân dân thành phố HL đã ban hành Quyết định thu hồi đất số 1399/QĐ - UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 1399) về việc thu hồi đất của 03 hộ dân phường HT để giải phóng mặt bằng (sau đây gọi tắt là GPMB) thực hiện dự án: Mở rộng nâng công suất mỏ than NB và đề án các giải pháp khai thác - đổ thải - thoát nước tiến tới kết thúc khai thác lộ thiên vùng than HG, thành phố HL (Trong đó hộ bà A bị thu hồi 260,7 m² thuộc thửa số 106 tờ Bản đồ GPMB số 01).

Ngày 13/6/2013, Ủy ban nhân dân thành phố HL ban hành Quyết định số 1414/QĐ - UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 1414) về việc phê duyệt phương án tái định cư cho 05 hộ dân phường HT trong đó có hộ bà Hoàng Thị A đủ điều kiện được bố trí 01 ô đất tái định cư vào khu tái định cư dự án.

Ngày 14/6/2013, Ủy ban nhân dân thành phố HL ban hành Quyết định số 1422/QĐ - UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 1422) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Mở rộng nâng công suất mỏ than NB

và đề án các giải pháp khai thác - đổ thải - thoát nước tiến tới kết thúc khai thác lộ thiên vùng than HG, thành phố HL có nội dung Hộ bà A được bồi thường số tiền 875.369.761đ (Trong đó bồi thường đất 179.370.000đ) và đủ điều kiện được bố trí 01 ô đất tái định cư.

Ngày 02/8/2013, Ủy ban nhân dân thành phố HL ban hành Quyết định số 1811/QĐ - UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 1811) về việc thu hồi phương án tái định cư của hộ bà Hoàng Thị A trú tại tổ 11, khu 4, phường HT, đã được UBND thành phố HL phê duyệt tại Quyết định số 1414/QĐ - UBND ngày 13/6/2013. Lý do thu hồi; Theo xác minh của UBND phường HT tại Văn bản số 216/UBND ngày 01/7/2013, hộ bà A đã có nơi ở khác tại tổ 10, khu 2, phường HT do đó không đủ điều kiện cấp đất tái định cư.

Không đồng ý với Quyết định số 1811, Bà A đã có đơn khiếu nại và ngày 29/5/2018 được Chủ tịch UBND thành phố HL ban hành Quyết định số 2764/QĐ - UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định số 2764) về việc giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị A và quyết định không chấp nhận nội dung khiếu nại về việc *Yêu cầu bố trí tái định cư cho gia đình theo đúng quy định của pháp luật*. Bà A tiếp tục khiếu nại lần hai và ngày 06/3/2020 được Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành quyết định số 749/QĐ - UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 749) về việc giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị A (Lần 2) và không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà Hoàng Thị A về đề nghị được bố trí tái định cư, vì bà Hoàng Thị A vẫn có nơi ở khác trên địa bàn phường HT, ngoài thửa đất đã bị thu hồi.

Do đó, bà A đã có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết; huỷ Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh về việc giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị A (Lần 2); huỷ Quyết định số 2764/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 của Chủ tịch UBND thành phố HL về việc giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị A; huỷ Quyết định số 1811/QĐ-UBND ngày 02/8/2013 của UBND thành phố HL về việc thu hồi phương án tái định cư của hộ bà Hoàng Thị A trú tại tổ 11, khu 4, phường HT, đã được UBND thành phố HL phê duyệt tại Quyết định số 1414/QĐ-UBND ngày 13/6/2013.

** Quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện trình bày:*

Bà Hoàng Thị A và ông Nguyễn Mạnh A7 là vợ chồng, trong thời kỳ hôn nhân có tài sản chung gồm 01 mảnh đất diện tích 203,6m², trên đất có nhà ở thuộc thửa đất số 53, tờ bản đồ 19 tại tổ 62, khu 6, phường HT, thành phố HL tỉnh Quảng Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (sau đây gọi tắt là GCNQSD) đất số H 31159 ngày 29/12/2006 của UBND thành phố HL đứng tên ông A7 và bà A; 01 ngôi nhà cấp 4 trên đất tại tổ 27, khu 2, phường HT, thành phố HL do nhận chuyển nhượng của hộ ông Nguyễn Văn A9 theo Biên bản chuyển nhượng nhà đất ngày 27/7/2003 (Giấy viết tay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Do vợ chồng mâu thuẫn nên ngày 25/02/2008, bà A đã viết Giấy chuyển nhượng đất có nội dung phân chia tài sản đồng ý chuyển nhượng nhà và thửa đất tại tổ 27 cho ông Nguyễn Mạnh A7 và con trai là Nguyễn Mạnh A8. Ngày 02/01/2010, giữa bà A và ông A7 tiếp tục lập thoả thuận chia tài sản chung vợ chồng đối với ô đất tại tổ 27, khu 2 phường HT, thành phố HL, tỉnh

Quảng Ninh có nội dung chia cho ông A7 toàn bộ nhà đất tại tổ 27, khu 2, phường HT.

Ngày 04/5/2012, Ủy ban nhân dân thành phố HL ban hành Thông báo thu hồi đất số 139/TB-UBND “Về việc thu hồi đất để bồi thường GPMB thực hiện dự án: Mở rộng năng công suất mỏ than NB và đề án các giải pháp khai thác - đổ thải - thoát nước tiến tới kết thúc khai thác lộ thiên vùng than HG, thành phố HL và quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 mặt bằng sân công nghiệp phục vụ dự án khai thác hầm lò mỏ than NB tại phường HT, thành phố HL”. (Diện tích hộ bà A thuộc phạm vi của thông báo thu hồi đất).

Ngày 04/6/2012, ông A7 và bà A có Văn bản thỏa thuận tặng cho tài sản có nội dung ông A7 tặng cho bà A phần tài sản của ông A7 nhà và đất thuộc thửa đất số 53, tờ bản đồ 19 tại tổ 62, khu 6, phường HT, thành phố HL tỉnh Quảng Ninh đã được cấp GCNQSD đất số H 31159 ngày 29/12/2006 của UBND thành phố HL. Bà A đã đăng ký và sang tên bà A toàn bộ nhà đất theo quy định. Ngày 16 tháng 7 năm 2012, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố HL xác nhận tại phần nội dung thay đổi sau khi cấp GCNQSD đất, cụ thể bà Hoàng Thị A nhận quyền sử dụng đất theo Văn bản thỏa thuận tặng cho tài sản đã được văn phòng công chứng Hạ Long chứng nhận.

Ngày 23/8/2012, bà A và ông A7 được Tòa án nhân dân thành phố HL giải quyết cho ly hôn còn về phần tài sản hai bên đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Năm 2012, bà A tiến hành xây dựng nhà đến tầng 3 trên đất tại tổ 27, khu 2, phường HT, thành phố HL thì ngày 03/12/2012 bị lập Biên bản vi phạm Hành chính về hành vi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không thực hiện thủ tục hành chính và xây dựng nhà ở không có giấy phép. Ngày 26/12/2012, Chủ tịch UBND thành phố HL đã ban hành quyết định xử phạt hành chính xử phạt 12.500.000đ đối với bà A về hành vi vi phạm xây dựng công trình riêng lẻ ở đô thị không có giấy phép xây lĩnh vực đất đai và hoạt động xây dựng (Bà A là người ký biên bản vi phạm hành chính và nộp phạt với tư cách chủ đầu tư công trình).

** Người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh trình bày:*

Tại Bản chứng nhận nhà, đất ngày 01/11/2012 của Ủy ban nhân dân và Ủy ban MTTQ phường HT xác nhận: Bà Hoàng Thị A có quản lý, sử dụng thửa đất số 106, tờ bản đồ số 01 bản đồ GPMB với diện tích 260,7m². Theo bản đồ địa chính năm 2000 thì diện tích đất trên bao gồm: Thửa số 52 tờ BĐDC số 19 diện tích: 0,5m², tên sử dụng đất là Nguyễn Văn A10; Thửa số 53 tờ BĐDC số 19 diện tích: 192,7m² tên chủ sử dụng đất là Nguyễn Mạnh A7 (chồng bà Hoàng Thị A); Thửa số 65 tờ BĐDC số 19 diện tích 67,5m², tên sử dụng đất là Ủy ban nhân dân phường HT.

Theo đó thì phần diện tích hộ ông, bà: Nguyễn Mạnh A7 - Hoàng Thị A sử dụng có nguồn gốc từ việc bà Nguyễn Thị A11 được Ủy ban nhân dân thị xã HG1 thanh lý nhà đất năm 1980 đến năm 1990 bà A11 bán lại cả nhà đất cho bà Vũ Thị

A10, đến năm 1993 bà A10 bán lại cho ông Nguyễn Mạnh A7 và bà Hoàng Thị A một phần đất và ông A7 bà A xây dựng nhà vào tháng 01/1993. Ngày 29/12/2006, ông, bà: Nguyễn Mạnh A7 - Hoàng Thị A được Ủy ban nhân dân thành phố HL cấp GCNQSD đất số H31159. Từ ngày 16/7/2012, bà A được sử dụng nhà đất theo văn bản thỏa thuận tặng cho tài sản ngày 04/6/2012.

- Tại Bản chứng nhận nhà, đất ngày 01/11/2012 của Ủy ban nhân dân và Ủy ban MTTQ phường HT xác nhận: *“Hiện gia đình bà Hoàng Thị A không còn nơi ở nào khác trên địa bàn phường HT”*;

- Ngày 29/6/2013, Ủy ban nhân dân phường HT tổ chức họp để xác minh nhà ở, đất ở trên địa bàn phường HT của hộ bà Hoàng Thị A, trong đó có ý kiến của ông Lê Đức A12 - Khu trưởng khu 2 và ông Vũ Văn A13 - Tổ trưởng tổ 10 khu 2, phường HT đều xác nhận là bà Hoàng Thị A đang ở tại tổ 10 khu 2 và chưa tham gia sinh hoạt cùng khu phố.

- Ngày 01/7/2013, Ủy ban nhân dân phường HT có Văn bản số 216/UBND gửi Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố HL, trong đó xác nhận:

“Thửa đất tại tổ 10 khu 2 phường HT, ông Nguyễn Mạnh A7 và bà Hoàng Thị A mua lại đất của hộ gia đình ông bà Nguyễn Văn A9 - Lê Thị A14 ngày 27/7/2003 (một phần thửa đất số 160 tờ BĐDC số 34) chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

Tháng 12/2012, bà Hoàng Thị A đứng tên xây dựng nhà 3 tầng. UBND phường HT đã lập biên bản vi phạm hành chính và báo cáo UBND thành phố HL ban hành Quyết định số 1088/QĐ-XPHC ngày 26/12/2012, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và hoạt động xây dựng đối với hộ Bà Hoàng Thị A. Nay qua xác minh bà Hoàng Thị A cho biết nhà đất tại tổ 10 khu 2 phường HT sau khi ly hôn 2 vợ chồng ông A7 bà A đã thỏa thuận nhà đất này thuộc quyền quản lý của ông Nguyễn Mạnh A7. Qua xác nhận của khu phố ông Nguyễn Mạnh A7 và bà Hoàng Thị A chưa chuyển hộ khẩu và sinh hoạt tại tổ 10 khu 2 phường HT”.

- Ngày 29/11/2013, Ủy ban nhân dân phường HT có Văn bản số 486/UBND gửi Ủy ban nhân dân thành phố HL và Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư Thành phố với nội dung xác minh chỗ ở khác của bà Hoàng Thị A tại tổ 10 khu 2 phường HT, về nguồn gốc nhà đất tại tổ 10 khu 2 phường HT:

“Tháng 7/2003, ông Nguyễn Mạnh A7 và bà Hoàng Thị A mua lại của hộ gia đình ông Nguyễn Văn A9 và Lê Thị A14 176m² đất thuộc thửa số 160 tờ BĐDC số 34 phường HT theo giấy tờ viết tay ngày 27/7/2003. Trong thời gian trước và sau khi ly hôn ông A7 bà A thống nhất giao cho ông A7 quản lý và xây dựng nhà cho con trai là Nguyễn Mạnh A8 để ở và lấy vợ, tại thời điểm xây nhà bà Hoàng Thị A có đến trông nom công trình; UBND phường HT đã kiểm tra bà Hoàng Thị A đã đứng ra nhận là chủ đầu tư, do vậy UBND phường HT đã lập hồ sơ báo cáo UBND Thành phố ban hành Quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với bà Hoàng Thị A. Hiện nay, nhà đất tại tổ 10 khu 2 ông Nguyễn Mạnh A8 (con trai bà Hoàng Thị A) đang quản ký và sử dụng.

Để giải quyết đơn đề nghị của bà Hoàng Thị A, UBND phường HT đề nghị UBND thành phố, Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư Thành phố xem xét giải quyết cho hộ bà Hoàng Thị A được một ô đất tái định cư theo quy định vì hiện nay bà Hoàng Thị A không còn nơi ở nào khác trên địa bàn phường”.

- Ngày 15/9/2017, Ủy ban nhân dân phường HT có Văn bản số 488/UBND gửi phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố HL có nội dung xác minh nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của bà Hoàng Thị A đối với thửa đất số 160 tờ bản đồ số 34 tại tổ 10 khu 2, phường HT, theo đó vẫn giữ nguyên như nội dung Văn bản số 486/UBND ngày 29/11/2013 của Ủy ban nhân dân phường HT.

- Ngày 08/10/2018, Ủy ban nhân dân phường HT có Văn bản số 547/UBND gửi Ủy ban nhân dân thành phố HL và Đoàn xác minh Sở Tài nguyên và Môi trường, theo đó vẫn xác định nguồn gốc quá trình sử dụng đất của bà Hoàng Thị A tại thửa đất số 160 tờ BĐDC số 34 tại tổ 10 khu 2 phường HT như đã xác nhận tại Văn bản số 488/UBND ngày 15/9/2017 của Ủy ban nhân dân phường HT.

- Ngày 23/7/2019, Ủy ban nhân dân phường HT có văn bản số 400/UBND “Về việc xác minh hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay của bà Hoàng Thị A trú tại tổ 11 khu 4 phường HT”, theo đó xác nhận bà Hoàng Thị A đang tạm trú tại tổ 8 khu 2, phường HT, thành phố HL.

Từ kết quả xác minh trên, cho thấy về các giấy tờ viết tay của bà Hoàng Thị A đối với thửa số 160 tờ BĐDC số 34 tại tổ 10 khu 2 phường HT:

- Ngày 27/7/2003, ông Nguyễn Mạnh A7 và bà Hoàng Thị A mua lại nhà đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn A9 và bà Lê Thị A14 với diện tích 176m² đất thuộc thửa số 160 tờ BĐDC số 34 tại tổ 10, khu 2, phường HT (có Biên bản chuyển nhượng nhà đất viết tay);

- Ngày 25/2/2008, bà Hoàng Thị A viết tay Giấy chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Mạnh A7 và ông Nguyễn Mạnh A8 (con trai bà Hoàng Thị A) thửa số 160 tờ BĐDC số 34 tại tổ 10 khu 2 phường HT có chữ ký của người làm chứng là bà Phạm Thị A15 và các ông Nguyễn Văn A9, ông Đoàn Văn A16, nhưng không có công chứng, chứng thực;

- Ngày 02/01/2010, bà Hoàng Thị A có Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung vợ chồng thửa số 160 tờ BĐDC số 34 tại tổ 10 khu 2 phường HT và có chữ ký của ông Nguyễn Mạnh A7, bà Hoàng Thị A, chữ ký người làm chứng là ông Vũ Văn A13, bà Phạm Thị A17, không có công chứng chứng thực;

- Ngày 23/8/2012 (sau ngày có Thông báo thu hồi đất của UBND thành phố HL ngày 04/5/2012), Tòa án nhân dân thành phố HL có Quyết định giải quyết việc ly hôn giữa bà Hoàng Thị A và ông Nguyễn Mạnh A7, trong quyết định của Tòa án có nêu: “Tài sản chung hai bên tự thỏa thuận nên không đề cập”.

Vì vậy, bà Hoàng Thị A cho rằng thửa số 160 tờ BĐDC số 34 tại tổ 10 khu 2 phường HT bà đã có giấy tờ viết tay cho ông Nguyễn Mạnh A7 (chồng cũ bà A) nên bà không còn chỗ ở nào khác.

Theo quy định tại Điều 106 Luật Đất đai 2003 quy định: Quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất; quyền thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; quyền được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Theo quy định tại Điều 66 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định: Thời hạn thống nhất thực hiện các giao dịch về quyền sử dụng đất bằng Giấy chứng nhận.

Căn cứ vào các quy định trên thì: Giấy tờ chuyển nhượng viết tay ngày 25/02/2008 giữa bà Hoàng Thị A và ông Nguyễn Mạnh A7 và Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung vợ chồng ngày 02/01/2010 lập sau ngày 01/01/2008 do đó không có giá trị pháp lý theo quy định của pháp luật đất đai. Biên bản chuyển nhượng nhà đất viết tay ngày 27/7/2003 lập trước ngày 01/01/2008 được chấp nhận theo quy định của pháp luật đất đai, từ đó xác định bà Hoàng Thị A vẫn có quyền sử dụng thửa đất tại tổ 10, khu 2, phường HT.

- Biên bản vi phạm hành chính số 50/BB-VPHC ngày 03/12/2012 của Ủy ban nhân dân phường HT; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1088/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và hoạt động xây dựng đều thể hiện tên bà Hoàng Thị A.

- Tại bản chứng nhận nhà đất ngày 01/11/2012 của Ủy ban nhân dân và Ủy ban MTTQ phường HT và các Văn bản xác minh bổ sung nguồn gốc đất thửa đất tại tổ 10 khu 2 phường HT của Ủy ban nhân dân phường HT, gồm: Văn bản số 216/UBND ngày 01/7/2013, Văn bản số 486/UBND ngày 29/11/2013, Văn bản số 488/UBND ngày 15/9/2017, Văn bản số 547/UBND ngày 08/10/2018 đều thể hiện nội dung bà Hoàng Thị A không có chỗ ở nào khác trên địa bàn phường HT.

Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân phường HT chưa xem xét đến giấy tờ viết tay ngày 27/7/2003 mà Bà Hoàng Thị A và ông Nguyễn Mạnh A7 cùng đứng tên mua lại 176m² đất thuộc thửa số 160 tờ BĐDC số 34 phường HT của hộ gia đình ông Nguyễn Văn A9 và Lê Thị A14 (việc công nhận giấy tờ viết tay này được quy định tại Điều 66 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ).

Mặt khác, tại Biên bản làm việc ngày 29/6/2013 tại Ủy ban nhân dân phường HT về việc xác minh nhà ở, đất ở trên địa bàn phường của hộ bà Hoàng Thị A trú tại tổ 11 khu 4, phường HT, có ý kiến của ông Lê Đức A12, khu trưởng khu 2 và ông Vũ Văn A13 tổ trưởng tổ 10 khu 2 phường HT xác nhận bà Hoàng Thị A đang ở tổ 10 khu 2 phường HT nhưng chưa chuyển khẩu về sinh hoạt tại tổ dân phố.

- Sổ hộ khẩu của ông Nguyễn Mạnh A7 và con trai Nguyễn Mạnh A8 vẫn thể hiện nơi thường trú tại tổ 11 khu 4, phường HT là nơi thửa đất bị thu hồi.

Từ những căn cứ và thực tế nêu trên thì tại thời điểm bồi thường, bố trí tái định cư không có cơ sở xác định chủ sử dụng đất, chủ sở hữu nhà tại thửa số 160 tờ bản đồ địa chính số 34 tại tổ 10 khu 2, phường HT là của ông Nguyễn Mạnh A8 (con trai bà Hoàng Thị A) và của ông Nguyễn Mạnh A7 (chồng cũ bà Hoàng Thị A) mà bà Hoàng Thị A vẫn có quyền sử dụng thửa đất tại tổ 10, khu 2,

phường HT (có nơi ở khác trên địa bàn phường HT ngoài thửa đất bị thu hồi). Vì vậy, việc bà Hoàng Thị A đề nghị được bố trí 01 ô tái định cư là không có cơ sở giải quyết.

** Người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố HL và UBND thành phố HL trình bày:*

Thông nhất với quan điểm của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh và không có yêu cầu độc lập.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND phường HT trình bày:*

Nhất trí với ý kiến của người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Mạnh A7 và anh Nguyễn Mạnh A8 trình bày:* Nhất trí với ý kiến trình bày của người khởi kiện.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 52/2022/HC-ST ngày 08/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã quyết định;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193, 194 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị A về việc yêu cầu huỷ các quyết định: Quyết định số 1811/QĐ - UBND ngày 02/8/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố HL về việc thu hồi phương án tái định cư của hộ bà Hoàng Thị A trú tại tổ 11, khu 4, phường HT, đã được UBND thành phố HL phê duyệt tại Quyết định số 1414/QĐ - UBND ngày 13/6/2013, thuộc diện GPMB dự án: Mở rộng nâng công suất mỏ than NB và đề án các giải pháp khai thác - đổ thải - thoát nước tiến tới kết thúc khai thác lộ thiên vùng than HG, thành phố HL quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 mặt bằng sân công nghiệp phục vụ dự án khai thác hầm lò mỏ than NB tại phường HT, thành phố HL; Quyết định số 2764/QĐ - UBND ngày 29/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố HL về việc giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị A trú tại tổ 11, khu 4, phường HT, thành phố HL (Lần đầu); Quyết định số 749/QĐ - UBND ngày 06/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh về việc giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị A trú tại tổ 11, khu 4, phường HT, thành phố HL (Lần 2).

Ngoài ra, Bản án còn xử lý về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/7/2022 bà Hoàng Thị A nộp đơn kháng cáo, với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của bà để huỷ các Quyết định 749, Quyết định 2764 và Quyết định 1811. Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện có kháng cáo giữ nguyên nội dung khởi kiện, giữ nguyên nội dung kháng cáo là đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của bà A.

** Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:*

- Người khởi kiện trình bày: Tại Công văn số 216/UBND ngày 01/7/2013 của UBND phường HT xác định: Thửa đất tại tổ 10, khu 2, phường HT sau khi ly

hôn hai vợ chồng, A đã thỏa thuận nên đất này thuộc quyền quản lý sử dụng của ông Nguyễn Mạnh A7; bà Hoàng Thị A cũng chưa chuyển hộ khẩu và sinh hoạt tại tổ 10, khu 2 phường HT. Như vậy, lý do để UBND thành phố HL đưa ra để không hỗ trợ, tái định cư cho bà A là không chính xác. Mặt khác, văn bản số 175 ngày 07/6/2013 của UBND phường HT vẫn thể hiện bà A vẫn ở tại thửa đất giải phóng mặt bằng; đồng thời tại văn bản số 400 ngày 23/7/2019 UBND phường HT vẫn xác định bà Hoàng Thị A đã giao đất và hiện tại đang tạm trú tại tổ 8, khu 2, phường HT, thành phố HL, nhưng UBND thành phố HL lại không bố trí tái định cư cho bà là không đúng, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà để hủy các quyết định hành chính bị khởi kiện.

- Luận cứ của Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà A thể hiện: Không có văn bản nào của UBND phường HT khẳng định bà A có nơi ở khác tại khối 10, khu 2 phường HT; ngược lại các văn bản của UBND và UBMT Tổ Quốc phường HT đều khẳng định ngoài đất bị thu hồi thì bà A không có chỗ ở nào khác trên địa bàn phường HT, đồng thời đề nghị UBND thành phố HL cấp đất tái định cư cho bà A. Như vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 42 Quyết định số 499/2010/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh Quảng Ninh thì bà A đủ điều kiện để được bố trí đất tái định cư. Về trình tự ban hành các quyết định hành chính có vi phạm, cụ thể: Trước khi phương án bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt phải lấy ý kiến và hoàn chỉnh phương án; Quyết định 1811 ban hành trái pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà A, sửa bản án sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của bà A.

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh trình bày: Giấy viết tay ngày 27/7/2003 thể hiện ông A7 và bà A viết giấy mua nhà đất, nhưng UBND phường không xem xét đến thời điểm viết giấy này để xác nhận bà A không có chỗ ở nào khác là thiếu căn cứ. Theo Điều 66 Nghị định số 84 thì việc chuyển nhượng này có giá trị pháp lý; vì được thực hiện trước ngày 01/01/2008; còn các thỏa thuận phân chia tài sản sau ngày 01/01/2008 không có giá trị pháp lý, nên bà A vẫn có quyền sử dụng đối với thửa đất tại tổ 10, khu 2 phường HT. Do đó, tại thời điểm thu hồi đất bà A vẫn có chỗ ở khác trên phường HT nên không đủ điều kiện cấp đất tái định cư. Bản án sơ thẩm xử bác đơn khởi kiện của bà A là có căn cứ; tại phiên tòa phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới nên đề nghị bác kháng cáo của bà A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

** Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng các quy định pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng: Mặc dù các giấy viết tay không có công chứng nhưng có người làm chứng, đã được thể hiện ý chí của các bên, phù hợp với quyết định ly hôn, nên bà A chỉ được quyền sử dụng đất tại thửa đất bị thu hồi; bà A chưa chuyển khẩu về ở tại tổ 10, khu 2 phường HT; UBND phường HT đã có

nhiều văn bản xác nhận bà A không còn chỗ ở nào khác và đề nghị cấp đất tái định cư cho bà A; bà A và ông A7 không có tranh chấp về tài sản (mỗi người được quyền sử dụng một mảnh), nhưng UBND thành phố HL không chấp nhận việc bố trí đất tái định cư cho bà A là thiếu căn cứ, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi ích hợp pháp của bà A, nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà A. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, chấp nhận kháng cáo của bà A, sửa bản án sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của bà A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy như sau:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện là Quyết định số 1811/QĐ-UBND, ngày 02/8/2013 của UBND thành phố HL “V/v thu hồi phương án tái định cư của hộ bà Hoàng Thị A”; Quyết định số 2764/QĐ-UBND, ngày 29/5/2018, Chủ tịch UBND thành phố HL ban hành “Về việc giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị A”; Quyết định số 749/QĐ-UBND, ngày 06/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh “Về việc giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị A”. Đây là các quyết định hành chính cá biệt trong lĩnh vực quản lý đất đai của UBND, Chủ tịch UBND cấp huyện và cấp tỉnh, nên thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Ngày 06/3/2020 Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số 749 về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của bà Hoàng Thị A; ngày 27/3/2020 bà A nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là đang trong thời hạn 01 năm nên đang trong thời hiệu khởi kiện. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Ngoài ra, mặc dù người khởi kiện không yêu cầu xem xét đến Quyết định số 1339/QĐ-UBND ngày 11/6/2013 của UBND thành phố HL về thu hồi đất của gia đình bà A và Quyết định số 1002/QĐ-UBND, ngày 17/4/2014 của UBND thành phố HL về phê duyệt bổ sung phương án bồi thường. Tuy nhiên, đây là những quyết định hành chính có liên quan đến các quyết định hành chính bị khởi kiện, nên Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xem xét tính hợp pháp, tính có căn cứ đối với các quyết định này là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người đại diện hợp pháp, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và người bảo vệ quyền lợi cho đương sự trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm một số đương sự vắng mặt, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, hoặc đã được triệu tập hợp lệ những vẫn vắng mặt, nên

Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại Điều 59; khoản 2 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính.

**Về Nội dung:*

[3] Các quyết định hành chính có liên quan: Thực hiện dự án: Mở rộng nâng công suất mỏ than NB và đề án các giải pháp khai thác - đổ thải - thoát nước tiến tới kết thúc khai thác lộ thiên vùng than HG, thành phố HL và quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 mặt bằng sân công nghiệp phục vụ dự án khai thác hầm lò mỏ than NB tại phường HT, thành phố HL; UBND thành phố HL sau khi thực hiện các bước theo đúng trình tự quy định của pháp luật đã ban hành Quyết định số 1339/QĐ-UBND ngày 11/6/2013 để thu hồi đất thực hiện dự án, đồng thời ban hành các quyết định về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ. Theo đó, hộ gia đình bà A bị thu hồi diện tích 260,7m² tại tổ 11, khu 4, phường HT, thành phố HL; phía người khởi kiện đồng ý với việc thu hồi đất và phương án hỗ trợ khi thu hồi đất, nên không có khiếu nại gì. Do đó, quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ được thực hiện đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[4] Đối với Quyết định số 1811, thấy: Theo Bản chứng nhận nhà, đất ngày 01/11/2012 của Ủy ban nhân dân và Ủy ban Mặt trận tổ quốc (sau đây gọi tắt là MTTQ) phường HT xác nhận: Bà Hoàng Thị A có quản lý, sử dụng thửa đất số 106, tờ bản đồ số 01 bản đồ GPMB với diện tích 260,7m² được Ủy ban nhân dân thành phố HL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H31159. Từ ngày 16/7/2012, bà A được sử dụng nhà đất theo văn bản thỏa thuận tặng cho tài sản ngày 04/6/2012 (sau thời điểm có thông báo thu hồi đất). Tại Bản chứng nhận nhà, đất ngày 01/11/2012 của Ủy ban nhân dân và Ủy ban MTTQ phường HT xác nhận: *“Hiện gia đình bà Hoàng Thị A không còn nơi ở nào khác trên địa bàn phường HT”*. Căn cứ bản chứng nhận nhà đất này, ngày 13/6/2013 UBND thành phố HL ban hành Quyết định số 1414/QĐ - UBND về việc phê duyệt phương án tái định cư và ngày 14/6/2013 UBND thành phố ban hành Quyết định số 1422/QĐ - UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà Hoàng Thị A. Theo đó, bà A đủ điều kiện được bố trí 01 ô tái định cư. Tuy nhiên, sau khi ban hành các quyết định nêu trên; ngày 01/7/2013, Ủy ban nhân dân phường HT lại có Văn bản số 216/UBND gửi Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố HL thể hiện: *“Thửa đất tại tổ 10 khu 2 phường HT, ông Nguyễn Mạnh A7 và bà Hoàng Thị A mua lại đất của hộ gia đình ông bà Nguyễn Văn A9 - Lê Thị A14 ngày 27/7/2003 (một phần thửa đất số 160 tờ BĐDC số 34) chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Quá trình giải quyết vụ án, bà A xuất trình một số văn bản, như: Văn bản viết tay ngày 25/02/2008 giữa bà Hoàng Thị A và ông Nguyễn Mạnh A7 và Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung vợ chồng ngày 02/01/2010, các văn bản này đều được thực hiện trước khi có thông báo thu hồi đất, phù hợp với quyết định giải quyết ly hôn giữa ông A7 và bà A thể hiện, tài sản vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Mặc dù, các văn bản này chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chứng thực, xác nhận nhưng đã thể hiện được ý chí của bà A và ông A7; quá trình giải quyết vụ án bản thân ông A7 cũng thừa nhận việc này và không có tranh chấp,*

nên tuy về mặt pháp lý chưa hợp pháp khi thực hiện việc chuyển tên quyền sử dụng đất, nhưng theo quy định thì việc vợ chồng tự phân chia tài sản không nhất thiết phải có công chứng, chứng thực và thực tế thì quyền sử dụng đất đã thuộc về ông A7, cũng như việc chuyển nhượng giữa ông A9, bà A14 với ông A7, bà A. Phía người bị kiện, cũng như Tòa án cấp sơ thẩm lại chấp nhận việc chuyển nhượng giữa ông A9, bà A14 với ông A7, bà A, nhưng lại không chấp nhận việc phân chia tài sản chung giữa hai vợ chồng là chưa phù hợp. Chính vì vợ chồng tự thỏa thuận phân chia tài sản, nên sau đó ngày 04/6/2012 ông A7, bà A tiếp tục có văn bản về việc tặng cho tài sản. Theo đó, ông A7 đồng ý tặng cho bà A tài sản là nhà và quyền sử dụng thửa đất số 53, tờ bản đồ số 19 tại tổ 6 phường HT, thành phố HL và chính từ thỏa thuận này mà bà A đã sang tên quyền sử dụng đất và khi thu hồi UBND thành phố HL xác định chỉ bà A là chủ sử dụng đối với thửa đất này nên chỉ bồi thường, hỗ trợ cho riêng bà A. Hơn nữa, theo xác nhận của UBND phường HT, cũng như các tài liệu thu thập được đều thể hiện, thửa đất tại khối 10, khu 2, phường HT, thành phố HL hiện do anh Nguyễn Mạnh A8 là người đang sử dụng, ông A7, bà A chưa chuyển hộ khẩu cũng như chuyển về sinh hoạt, sinh sống trên thửa đất này; từ đó UBND phường HT đã ban hành nhiều văn bản, trong đó có Bản chứng nhận nhà đất được UBND phường HT lập ngày 01/11/2012, văn bản số 486/UBND ngày 29/11/2013, văn bản số 488/UBND ngày 15/9/2017, văn bản số 547/UBND ngày 08/10/2018 đều khẳng định tại thời điểm thu hồi đất thì bà A ngoài thửa đất bị thu hồi không còn nơi ở nào khác trên địa bàn phường HT, đồng thời đề nghị UBND thành phố HL cấp cho bà A một lô đất tái định cư theo quy định. Phía người bị kiện cho rằng tháng 12/2012, bà Hoàng Thị A đứng tên xây dựng nhà 3 tầng, UBND phường HT đã lập biên bản vi phạm hành chính và báo cáo UBND thành phố HL ban hành Quyết định số 1088/QĐ-XPHC ngày 26/12/2012, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và hoạt động xây dựng đối với hộ Bà Hoàng Thị A, từ đó xác định đất và nhà này thuộc quyền của bà A là thiếu căn cứ. Bởi vì, các bên đương sự không xuất trình căn cứ nào để khẳng định bà A là chủ sử dụng hợp pháp đối với thửa đất này; bà A cho rằng bà chỉ là người quản lý giúp con trai bà là anh Nguyễn Mạnh A8 vì thời điểm này anh A8 không có mặt tại địa phương; điều này phù hợp với các chứng cứ thể hiện, tại thời điểm này anh A8 đang thực hiện nghĩa vụ quân sự; phù hợp với kết quả xác minh thể hiện bà A chưa chuyển hộ khẩu cũng như chưa chuyển về sinh sống, sinh hoạt tại địa điểm này. Từ phân tích trên thấy rằng, tại thời điểm thu hồi đất ngoài thửa đất bị thu hồi thì bà A không còn nơi ở nào khác trên địa bàn phường HT, nên bà A đủ điều kiện được cấp đất tái định cư. Do đó, UBND thành phố HL đã ban hành Quyết định số 1414/QĐ-UBND ngày 13/6/2013 về phê duyệt phương án tái định cư cho 05 hộ dân phường HT (trong đó có bà A được bố trí 01 suất đất tái định cư tại khu tái định cư của dự án) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với khoản 1 Điều 42 Quyết định số 499/2010/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh Quảng Ninh về điều kiện được bố trí đất tái định cư khi hộ gia đình, cá nhân bị Nhà nước thu hồi đất. Nhưng sau đó UBND thành phố HL lại ban hành Quyết số 1811/QĐ-UBND ngày 02/8/2013 về thu hồi phương án tái định cư của hộ bà Hoàng Thị A đã được phê duyệt tại Quyết định số 1414 là trái pháp luật, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến

quyền lợi của bà A, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm cần tuyên hủy Quyết định này mới đúng quy định của pháp luật.

[5] Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 2764 Chủ tịch UBND thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, thấy: Do không đồng ý với quyết định số 1811, bà Hoàng Thị A có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố HL. Sau khi thụ lý đơn, Chủ tịch UBND thành phố HL đã cho tổ chức xác minh, đối thoại. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên thì tại thời điểm thu hồi đất ngoài thửa đất bị thu hồi, thì bà A không còn chỗ ở nào khác trên địa bàn phường HT, nên đủ điều kiện để được cấp đất tái định cư, nhưng Chủ tịch UBND thành phố HL lại xác định bà A vẫn còn chỗ ở khác, nên không đủ điều kiện để cấp đất tái định cư, từ đó không chấp nhận đơn khiếu nại của bà A để giữ nguyên Quyết định số 1811 là thiếu căn cứ. Do đó, quyết định này đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bà A, nên cần hủy bỏ.

[6] Đối với Quyết định số 749 về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh, thấy: Do không đồng ý với Quyết định số 2764, bà Hoàng Thị A đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh. Sau khi thụ lý đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh đã có Quyết định số 3606/QĐ-UBND ngày 14/9/2018 giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh tiến hành xác minh nội dung khiếu nại; tổ chức đối thoại với người khiếu nại vào ngày 10/12/2018. Như vậy, về trình tự, thủ tục đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại. Tuy nhiên, về nội dung thì như đã phân tích ở trên việc UBND thành phố HL xác định bà A không đủ điều kiện để được cấp đất tái định cư là không đúng, lẽ ra Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh phải xem xét để hủy Quyết định số 2764 và Quyết định số 1811 của UBND và Chủ tịch UBND thành phố HL, buộc UBND thành phố HL thực hiện nhiệm vụ công vụ theo Quyết định số 1414 mới phù hợp với pháp luật.

Tổng hợp các phân tích trên thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ chấp nhận, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không đúng pháp luật, nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện; để sửa bản án sơ thẩm để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện; hủy Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh về việc giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị A (Lần 2), Quyết định số 2764/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 của Chủ tịch UBND thành phố HL về việc giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị A, Quyết định số 1811/QĐ-UBND ngày 02/8/2013 của UBND thành phố HL về việc thu hồi phương án tái định cư của hộ bà Hoàng Thị A trú tại tổ 11, khu 4, phường HT, đã được UBND thành phố HL phê duyệt tại Quyết định số 1414/QĐ-UBND ngày 13/6/2013 để buộc UBND thành phố HL thực hiện nhiệm vụ công vụ theo đúng quy định của pháp luật.

[7] Về án phí:

Về án phí hành chính sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện được chấp nhận, nên người khởi kiện không phải chịu án phí sơ thẩm, UBND thành

phố HL, Chủ tịch UBND thành phố HL, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Án phí hành chính phúc thẩm: Kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo không phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 241; điểm b khoản 1 Điều 193; Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 4; khoản 2 Điều 14; Điều 34 Nghị định số 197/2004 ngày 03/12/2004 của Chính phủ; Quyết định số 499/2010/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh Quảng Ninh; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 52/2022/HC-ST ngày 08/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Cụ thể: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là bà Hoàng Thị A; hủy các quyết định hành chính, gồm: Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh về việc giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị A (Lần 2); Quyết định số 2764/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 của Chủ tịch UBND thành phố HL về việc giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị A; Quyết định số 1811/QĐ-UBND ngày 02/8/2013 của UBND thành phố HL về việc thu hồi phương án tái định cư của hộ bà Hoàng Thị A trú tại tổ 11, khu 4, phường HT, đã được UBND thành phố HL phê duyệt tại Quyết định số 1414/QĐ-UBND ngày 13/6/2013. Buộc UBND thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh thực hiện nhiệm vụ công vụ theo đúng quy định của pháp luật trong việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà A.

Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Hoàng Thị A không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà A 300.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002303, ngày 03/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. UBND thành phố HL, Chủ tịch UBND thành phố HL, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh mỗi đương sự phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Hoàng Thị A không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, hoàn trả lại cho bà A số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0015992, ngày 03/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm

